

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 194/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2021.
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Rạt
2. Ông: Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 440/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trà Văn C, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh L.
2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.
(Ông C có mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Trà Văn C trình bày:

Ông và bà Trần Thị Thanh H chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh L. Ông C cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian về sau thì phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn.

Về con chung: Ông C khai ông và bà H có 01 con chung là cháu Trà Như Y, sinh ngày 01/5/2020, hiện con đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, ông xin được quyền trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C khai không có.

Bà Trần Thị Thanh H xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông C về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và con chung là đúng. Nay ông C xin ly hôn, bà đồng ý. Khi ly hôn, bà H xin được quyền trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ông đồng ý giao cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng,

Ông Trà Văn C xin ly hôn với bà Trần Thị Thanh H. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì tại thời điểm tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà H hiện đang cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bà Trần Thị Thanh H xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung,

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trà Văn C và bà Trần Thị Thanh H chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa thì ông C xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đối với bà Trần Thị Thanh H có lời khai cũng đồng ý ly hôn

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông C và bà H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay nhưng cả hai cũng không có thiện chí để hàn gắn. Do vậy, ông C xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:*

Ông C khai ông và bà H có 01 con chung là cháu Trà Như Ý, sinh ngày 01/5/2020, hiện con đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, ông C đồng ý giao con chung cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bà H cũng xin được quyền trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cháu Trà Như Ý cho bà H được quyền nuôi dưỡng.

[2.3]. *Về cấp dưỡng:* Bà H yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông C không đồng ý cấp dưỡng vì cho rằng hiện làm nghề sửa chữa xe máy, không có nguồn thu nhập ổn định.

Thấy rằng, tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo lời trình bày của bà H hiện bà đang làm công nhân, có mức thu nhập trung bình; ông C hiện có nghề sửa chữa xe gắn máy có nguồn thu nhập.

Do vậy, Hội đồng xét xử buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với khả năng, mức thu nhập của ông C, phù hợp với mức sinh hoạt phí của cháu Như Ý.

[2.4]. *Về tài sản chung:*

Ông C khai không có. Bà Hòa vắng mặt nhưng có lời khai là không tranh chấp về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp bà H có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[2.5]. *Về nợ chung:* Các đương sự thống nhất khai không có nên không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Ông Trà Văn C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 09, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội KH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trà Văn C

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trà Văn C được ly hôn với bà Trần Thị Thanh H

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thanh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trà Như Ý, sinh năm 2020.

Buộc ông Trà Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 1.500.000 đồng. thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Trà Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 4610 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành. Ông Trà Văn C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Lin - Nguyễn Thị Rạt

Văn Công Thức

